TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 53/2022/QĐST-HNGĐ	*Long Hồ, ngày 16 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Út**

Ông **Nguyễn Văn Trước**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 244 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Bé N**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 172/12 ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là: Ông Phạm Hoài Duy T - Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 172/12 ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là: Bà Nguyễn Thị Thùy C - Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Lê Thị Thúy H**, sinh năm 2003

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận cho ông Lê Văn Bé N được quyền sử dụng phần đất tách thửa 291, tờ bản đồ số 12, diện tích 753,2m^2, loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc 30, 31, 21, 22, 30 (hiện do ông Lê Văn Bé N đang quản lý, sử dụng) và phần đất tách thửa 292-1, tờ bản đồ số 12, diện tích 742,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc 19, 20, 21, 22, 23, 13, 5, 16, 17, 18, 19, cùng tọa lạc ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông N được quyền sở hữu các cây trồng và các công trình phụ nằm trên thửa đất 291 và tách thửa 292-1.

Bà Lê Thị P có trách nhiệm giao phần đất tách thửa 292-1 nêu trên cho ông Lê Văn Bé N được quyền quản lý, sử dụng.

2.2 Công nhận cho bà Lê Thị P được quyền sử dụng phần đất tách thửa số 292-2, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.052,5m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm trong đó: đất ở 123m^2, đất trồng cây lâu năm 929,5m^2, gồm các mốc 19, 18, 17, 16, 5, 4, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 19 và phần đất tách thửa 467-1, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.064,4m^2, loại đất lúa, gồm các mốc 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1, 2, 3, 4 (hiện do bà Lê Thị P đang quản lý, sử dụng), cùng tọa lạc ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà P được quyền sở hữu các cây trồng và các công trình phụ nằm trên tách thửa đất 292-2 và tách thửa đất 467-1.

2.3 Công nhận cho bà Lê Thị P được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 (số nhà 172/12) có diện tích 128,348m^2 (theo biên bản định giá ngày 03/9/2020) gắn trên phần đất thuộc tách thửa 292-2 tọa lạc ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Lê Văn Bé N có trách nhiệm giao phần đất tách thửa số 292-2 và căn nhà gắn trên phần đất tách thửa 292-2 nêu trên cho bà Lê Thị P được quyền quản lý, sử dụng. Ông Lê Văn Bé N được quyền lưu cư trên căn nhà cấp 4 (số nhà 172/12) trong thời hạn là 06 tháng tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.4 Công nhận cho chị Lê Thị Thúy H được quyền sử dụng phần đất tách thửa số 467-2, tờ bản đồ số 12, diện tích 754,8m^2, loại đất lúa, gồm các mốc 13, 14, 15, 7, 6, 5, 13, tọa lạc ấp L, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị Lê Thị Thúy H được quyền sở hữu các cây trồng gắn trên tách thửa đất 467-2.

Ông Lê Văn Bé N và bà Lê Thị P có trách nhiệm giao phần đất tách thửa số 467-2 nêu trên cho chị Lê Thị Thúy H được quyền quản lý, sử dụng.

Các phần đất trên được kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/6/2021.

Các đương sự có trách nhiệm liện hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

2.5 Bà Lê Thị P có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Lê Văn Bé N ½ giá trị căn nhà cấp 4 (số nhà 172/12) gắn trên tách thửa đất 292-2 với số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và hoàn trả cho ông Lê Văn Bé N ½ phần tiền tài

sản chung của ông N và bà P là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng bà P phải hoàn trả cho ông N số tiền là 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Lê Văn Bé N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê Thị P chưa tự nguyện thi hành án xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Lê Thị P còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.6 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Bé N yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 210, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.193,4m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu chia 130 chỉ vàng 24K và 40 chỉ vàng 18K.

2.7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng cộng 5.565.700 đồng. Ông Lê Văn Bé N và bà Lê Thị P thỏa thuận mỗi người phải nộp 2.782.850 đồng. Ông N và bà P đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

2.8. Về án phí:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Bé N và bà Lê Thị P do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Thúy H phải nộp 2.264.400 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Long Hồ;*
- *THADS huyện Long Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ánh Tuyết